

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, tổ dân phố Đá Bạc, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, tổ dân phố Đá Bạc, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Viết Nhâm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đăng Song	Thành viên
Ông Phạm Hữu Tấn	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên
Ông Hoàng Quốc Phương	Thành viên

Ban kiểm soát

Bà Dương Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hòa	Thành viên
Bà Dương Thị Thanh Mai	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Hữu Tấn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Huy Phương.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện phát sinh nào sau ngày 30/06/2019 có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ.

Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không; và

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, tổ dân phố Đá Bạc, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Hữu Tấn
Tổng Giám đốc

Cam Ranh, ngày 31 tháng 07 năm 2019

Số: 34 /2019/UHY-BCSX

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 31/07/2019, từ trang 05 đến trang 31 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/06/2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp toàn phần tại ngày 25/02/2019, báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 của Công ty đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần tại ngày 30/08/2018.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0798-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30/06/2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		58.103.884.092	62.349.388.137
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	39.425.315.752	45.823.488.827
Tiền	111		10.766.092.332	6.164.265.407
Các khoản tương đương tiền	112		28.659.223.420	39.659.223.420
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.340.043.642	15.437.490.216
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	17.228.637.176	13.148.855.316
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		103.542.000	2.482.500.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	984.801.709	783.072.143
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5	(976.937.243)	(976.937.243)
Hàng tồn kho	140	8	1.132.108.053	1.050.716.722
Hàng tồn kho	141		1.132.108.053	1.050.716.722
Tài sản ngắn hạn khác	150		206.416.645	37.692.372
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	206.416.645	37.692.372
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		316.178.420.232	316.074.188.552
Các khoản phải thu dài hạn	210		891.300.000	1.084.876.000
Phải thu dài hạn khác	216	7	891.300.000	1.084.876.000
Tài sản cố định	220		310.287.920.900	311.482.892.588
Tài sản cố định hữu hình	221	11	310.287.920.900	311.482.892.588
- Nguyên giá	222		513.829.022.596	506.587.054.721
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(203.541.101.696)	(195.104.162.133)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.520.955.456	800.953.183
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	2.520.955.456	800.953.183
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	1.170.000.000	1.670.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		1.170.000.000	1.670.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		1.308.243.876	1.035.466.781
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	376.981.174	106.135.708
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		931.262.702	929.331.073
TỔNG TÀI SẢN	270		374.282.304.324	378.423.576.689

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		111.202.163.267	111.458.020.957
Nợ ngắn hạn	310		30.505.163.267	29.261.020.957
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	1.149.898.654	1.119.426.825
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		298.911.966	647.927.316
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	2.428.505.684	2.512.936.188
Phải trả người lao động	314		12.562.690.255	12.614.898.018
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	75.000.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.204.200.000	2.408.400.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	696.490.677	79.070.240
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	6.000.000.000	6.000.000.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	15	3.100.000.000	3.100.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.064.466.031	703.362.370
Nợ dài hạn	330		80.697.000.000	82.197.000.000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		10.197.000.000	10.197.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	70.500.000.000	72.000.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		263.080.141.056	266.965.555.732
Vốn chủ sở hữu	410	17	263.080.141.056	266.965.555.732
Vốn góp của chủ sở hữu	411		245.018.170.000	245.018.170.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		245.018.170.000	245.018.170.000
Cổ phiếu quỹ	415		(482.000.000)	(482.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.101.826.839	2.477.231.411
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.323.296.029	15.576.661.228
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.447.100.693	602.365.471
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.876.195.336	14.974.295.757
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.118.848.189	4.375.493.093
TỔNG NGUỒN VỐN	440		374.282.304.324	378.423.576.689



Phạm Hữu Tấn
Tổng Giám đốc
Cam Ranh, ngày 31 tháng 07 năm 2019

Nguyễn Huy Phương
Kế toán trưởng

Hồ Nguyễn Tú Anh
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
		đến 30/06/2019	đến 30/06/2018
		VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	12.660.505.735	7.240.990.558
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	9.154.670.598	8.315.448.567
Các khoản dự phòng	03	-	(5.351.999.500)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(1.091.174.583)	(925.294.176)
Chi phí lãi vay	06	3.633.587.500	4.129.358.333
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	24.357.589.250	13.408.503.782
(Tăng) các khoản phải thu	09	(1.633.788.147)	(1.997.833.415)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(81.391.331)	(363.614.027)
(Giảm)/ Tăng các khoản phải trả không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN	11	(2.743.895.700)	8.151.250.237
(Tăng)/ Giảm chi phí trả trước	12	(439.569.739)	1.565.627.001
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.633.587.500)	(4.129.358.333)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.938.237.271)	(1.668.599.761)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.468.676.378)	(1.019.698.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	11.418.443.184	13.946.277.484
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(8.214.718.842)	(16.700.340.453)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	500.000.000	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	542.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.049.174.583	925.294.176
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.123.544.259)	(15.775.046.277)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.500.000.000)	(3.000.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.193.072.000)	(6.495.677.350)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(11.693.072.000)	(9.495.677.350)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(6.398.173.075)	(11.324.446.143)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	45.823.488.827	37.545.354.541
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	39.425.315.752	26.220.908.398



Phạm Hữu Tấn
Tổng Giám đốc

Cam Ranh, ngày 31 tháng 07 năm 2019

Nguyễn Huy Phương
Kê toán trưởng

Hồ Nguyễn Tú Anh
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cam Ranh – Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 38/QĐ-HHVN ngày 28 tháng 01 năm 2015 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200272350, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 25 tháng 06 năm 2015 chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH một thành viên, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 245.018.170.000 đồng, được chia thành 24.501.817 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở của Công ty đặt tại Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, tổ dân phố Đá Bạc, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2019 là 185 người (tại ngày 31/12/2018 là 185 người).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- Bốc xếp hàng hóa;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa, đường bộ khác; ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; ven biển và viễn dương; đường thủy nội địa;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tour du lịch;
- Dịch vụ khách sạn; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Kinh doanh dịch vụ Logistic; dịch vụ giao nhận, kiểm đếm, đóng gói, nâng hạ hàng hóa; môi giới thuê tàu biển; cung ứng dịch vụ hàng hải; dịch vụ đại lý tàu biển; sửa chữa tàu biển; dịch vụ lai dắt tàu sông, tàu biển; dịch vụ cứu nạn, cứu hộ tàu sông, tàu biển; vệ sinh tàu và các hoạt động phụ trợ vận tải; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ khai thuế, hải quan;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê kho, bãi, văn phòng;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và sửa chữa động cơ khác);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sửa chữa container; Dịch vụ vệ sinh container;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Chế biến dăm gỗ, mua bán nguyên liệu chế biến dăm gỗ;
- Mua bán xăng, dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn xăng, dầu và các sản phẩm liên quan;
- Cung ứng và quản lý lao động;
- Cho thuê xe có động cơ; máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong kỳ là quản lý, khai thác biển, bốc xếp, kiểm đếm hàng hóa; cung cấp dịch vụ kho vận và bán lẻ nhiên liệu, chất đốt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC CÔNG TY

Tại thời điểm lập Báo cáo, Công ty sở hữu 01 công ty con:

STT	Tên	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Quyền sở hữu và biểu quyết
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh	29 Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	Bốc xếp hàng hóa, kinh doanh kho bãi, dịch vụ vận chuyển hàng hóa, cho thuê xe có động cơ, cung ứng lao động tạm thời, dịch vụ hàng hải, cung cấp dịch vụ neo đậu tàu	51%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính của Công ty được hợp nhất từ Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (Công ty mẹ) và Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh (Công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các Công ty trong Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng với các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt

động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI (TIẾP)

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được; Hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn. Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 17/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 39
Máy móc, thiết bị	04 - 13
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 09
Thiết bị dụng cụ quản lý	02 - 06

Công ty áp dụng tính và trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và lợi thế kinh doanh. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng tạo ra các khoản chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TIẾP)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 (ba mươi sáu) tháng.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 (ba mươi sáu) tháng.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 01 tháng 01 năm 2014. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 120 tháng.

3.10 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

3.11 CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy).

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ. Việc trích trước chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định theo định kỳ được căn cứ vào kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế thấp hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.12 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức và lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.13 GHI NHẬN GIÁ VỐN

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

3.14 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu của Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi nhận vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.15 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được kết chuyển.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản thuế thu nhập Công ty sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

3.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết;
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các Thuyết minh dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	840.058.255	394.791.535
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.926.034.077	5.769.473.872
Các khoản tương đương tiền	28.659.223.420	39.659.223.420
	39.425.315.752	45.823.488.827

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANHSố 29 Nguyễn Trọng Kỳ, tổ dân phố Đá Bạc, phường Cam Linh,
thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	17.228.637.176	(976.937.243)	13.148.855.316	(976.937.243)
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Khánh Hưng	3.253.617.900	-	3.237.240.000	-
- Công ty TNHH Đá Hóa An 1	4.461.597.722	-	1.138.420.552	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác (*)	9.513.421.554	(976.937.243)	8.773.194.764	(976.937.243)
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
	17.228.637.176	(976.937.243)	13.148.855.316	(976.937.243)

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.170.000.000	-	1.670.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh (*)	1.170.000.000	-	1.170.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Ô tô Cam Ranh	-	-	500.000.000	-
	1.170.000.000	-	1.670.000.000	-

(*) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh với số lượng cổ phần nắm giữ đến 01/01/2019 là 117.000 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 6,5%. Ngày 20/06/2019, Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh phát hành cổ phiếu thưởng tăng 100% vốn điều lệ cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 (tổng số cổ phiếu phát hành thêm là 1.801.800 cổ phiếu), Công ty nhận được 117.000 cổ phiếu tương ứng (phần cổ phiếu thưởng này chỉ ghi nhận tăng số lượng trên thuyết minh BCTC này và không ghi giá trị cổ phần nhận được). Số lượng cổ phiếu nắm giữ tại ngày 30/06/2019 là 234.000 cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	984.801.709	-	783.072.143	-
- Phải thu người lao động	676.600.000	-	539.100.000	-
- Bảo hiểm xã hội	76.623.302	-	82.162.250	-
- Bảo hiểm y tế	16.856.159	-	15.409.760	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	11.169.473	-	10.271.120	-
- Cấp ứng NVL cho tàu TLA05 và CR04	55.118.570	-	55.118.570	-
- Các khoản phải thu khác	145.434.205	-	81.010.443	-
Dài hạn	891.300.000	-	1.084.876.000	-
- Tiền GPMB khu hành chính chờ khấu trừ tiền thuê đất	791.300.000	-	984.876.000	-
- Ký cược, ký quỹ	100.000.000	-	100.000.000	-
	1.876.101.709	-	1.867.948.143	-

8. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	140.815.914	-	295.879.064	-
Công cụ, dụng cụ	278.613.020	-	262.603.525	-
Hàng hóa	712.679.119	-	492.234.133	-
	1.132.108.053	-	1.050.716.722	-

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	206.416.645	37.692.372
- Phí bảo hiểm hàng năm của tài sản	144.232.182	-
- Công cụ, dụng cụ phân bổ	62.184.463	37.692.372
Dài hạn	376.981.174	106.135.708
- Giá trị lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa (*)	60.217.036	65.234.836
- Công cụ dụng cụ phân bổ	316.764.138	40.900.872
	583.397.819	143.828.080

(*) Giá trị lợi thế kinh doanh xác định theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa tại ngày 01/01/2014 chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV thành Công ty Cổ phần, với số tiền: 100.363.636 đồng phân bổ trong vòng 120 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng	290.459.503	2.825.370.052	2.180.537.131	935.292.424
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.873.237.271	2.525.000.000	2.938.237.271	1.460.000.000
- Thuế thu nhập cá nhân	349.239.414	297.110.760	613.136.914	33.213.260
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	190.513.283	190.513.283	-
- Các loại thuế khác	-	7.000.000	7.000.000	-
	2.512.936.188	5.844.994.095	5.929.424.599	2.428.505.684

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANHSố 29 Nguyễn Trọng Kỳ, tổ dân phố Đá Bạc, phường Cam Linh,
thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2019	455.234.655.871	33.139.730.684	17.043.466.952	1.169.201.214	506.587.054.721
- Mua trong kỳ	-	490.928.251	1.230.469.091	-	1.721.397.342
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	78.971.442	-	78.971.442
- Thanh lý, nhượng bán	-	(970.909.091)	-	-	(970.909.091)
- Nâng cấp, cải tạo	6.412.508.182	-	-	-	6.412.508.182
30/06/2019	<u>461.647.164.053</u>	<u>32.659.749.844</u>	<u>18.352.907.485</u>	<u>1.169.201.214</u>	<u>513.829.022.596</u>
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2019	(165.862.567.678)	(17.234.607.700)	(11.081.601.750)	(925.385.005)	(195.104.162.133)
- Khấu hao trong kỳ	(7.215.574.443)	(1.125.631.949)	(760.436.182)	(53.028.024)	(9.154.670.598)
- Thanh lý, nhượng bán	-	717.731.035	-	-	717.731.035
30/06/2019	<u>(173.078.142.121)</u>	<u>(17.642.508.614)</u>	<u>(11.842.037.932)</u>	<u>(978.413.029)</u>	<u>(203.541.101.696)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2019	<u>289.372.088.193</u>	<u>15.905.122.984</u>	<u>5.961.865.202</u>	<u>243.816.209</u>	<u>311.482.892.588</u>
30/06/2019	<u>288.569.021.932</u>	<u>15.017.241.230</u>	<u>6.510.869.553</u>	<u>190.788.185</u>	<u>310.287.920.900</u>

Tại ngày 30/06/2019:

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 4.701.178.858 đồng.
Giá trị còn lại của TSCĐ nhận cầm cố, thế chấp cho các khoản vay: 240.813.196.645 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	2.520.955.456	800.953.183
- Mở rộng bến thủy nội địa	2.520.955.456	542.419.092
- Sửa chữa kho bãi	-	1.600.000
- Dự án nâng cấp đường trục T1 (GD2)	-	256.934.091
	2.520.955.456	800.953.183

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, tổ dân phố Đá Bạc, phường Cam Linh,
thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
		VND		VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	1.149.898.654	1.149.898.654	1.119.426.825	1.119.426.825
- Công ty CP Dịch vụ biển Tân Cảng	288.750.000	288.750.000	475.750.000	475.750.000
- Công ty CP Tư vấn và Định giá CPA Việt Nam	112.200.000	112.200.000	-	-
- Các đối tượng khác	748.948.654	748.948.654	643.676.825	643.676.825
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
	1.149.898.654	1.149.898.654	1.119.426.825	1.119.426.825

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	696.490.677	79.070.240
- Kinh phí công đoàn	141.397.642	8.970.240
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	555.093.035	70.100.000
+ Doanh thu hợp đồng hợp tác liên doanh (*)	199.093.035	-
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	356.000.000	70.100.000
Dài hạn	-	-
	696.490.677	79.070.240

(*) Doanh thu chia từ Hợp đồng góp vốn và hợp tác kinh doanh số 01/2018/HĐ.HTKD với Công ty Cổ phần Hàng hải Quảng Hưng ngày 11/04/2018 thực hiện hợp tác kinh doanh hoạt động khai thác, xếp dỡ hàng hóa tại cảng theo hình thức tài sản đồng kiểm soát không thành lập pháp nhân mới. Tài sản đồng kiểm soát là cầu bờ di động nhãn hiệu Gottward HMK 280 (đã qua sử dụng). Công ty góp 40% giá trị tài sản bằng tiền tương ứng 7.000.000.000 đồng, Công ty Cổ phần Hàng hải Quảng Hưng góp 60% giá trị tài sản tương ứng 10.500.000.000 đồng. Các bên tham gia hợp đồng hợp tác thực hiện phân chia doanh thu và chi phí tương ứng với tỷ lệ góp vốn.

15. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	3.100.000.000	3.100.000.000
- Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định	3.100.000.000	3.100.000.000
Dài hạn	-	-
	3.100.000.000	3.100.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	30/06/2019		Trong năm		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nợ dài hạn đến hạn trả	6.000.000.000	6.000.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	6.000.000.000	6.000.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Vay dài hạn	70.500.000.000	70.500.000.000	-	1.500.000.000	72.000.000.000	72.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	70.500.000.000	70.500.000.000	-	1.500.000.000	72.000.000.000	72.000.000.000
	76.500.000.000	76.500.000.000	1.500.000.000	3.000.000.000	78.000.000.000	78.000.000.000

(*) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang theo Hợp đồng tín dụng số 53815/DTDA/TD ngày 25 tháng 12 năm 2015 để đầu tư dự án xây dựng bến số 2 - Cảng Cam Ranh tại phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh với các điều khoản như sau:

- + Hạn mức tín dụng: 100 tỷ đồng;
- + Thời hạn cho vay: 12 năm;
- + Kỳ hạn thanh toán cuối cùng: Năm 2027;
- + Lãi suất bình quân: 9,5%/năm;
- + Tài sản bảo đảm: Tài sản hình thành từ vốn vay;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANHSố 29 Nguyễn Trọng Kỳ, tổ dân phố Đá Bạc, phường Cam Linh,
thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU****17.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2018	245.018.170.000	(284.000.000)	2.407.553.411	8.100.178.721	4.162.297.082	259.404.199.214
- Lãi trong năm 2018	-	-	-	14.974.295.757	590.519.111	15.564.814.868
- Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	(198.000.000)	-	-	-	(198.000.000)
- Phân phối lợi nhuận	-	-	69.678.000	(7.497.813.250)	-	(7.428.135.250)
+ Trích quỹ khen thưởng năm 2017	-	-	-	(1.309.781.000)	-	(1.309.781.000)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2017	-	-	69.678.000	(69.678.000)	-	-
+ Chia cổ tức năm 2017	-	-	-	(6.118.354.250)	(377.323.100)	(6.495.677.350)
31/12/2018	245.018.170.000	(482.000.000)	2.477.231.411	15.576.661.228	4.375.493.093	266.965.555.732
01/01/2019	245.018.170.000	(482.000.000)	2.477.231.411	15.576.661.228	4.375.493.093	266.965.555.732
- Lãi trong kỳ	-	-	-	9.876.195.336	261.242.028	10.137.437.364
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	624.595.428	(14.023.248.403)	(517.886.932)	(13.916.539.907)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	624.595.428	(624.595.428)	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	(3.370.831.175)	(106.286.932)	(3.477.118.107)
+ Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	(246.375.000)	-	(246.375.000)
+ Chia cổ tức	-	-	-	(9.781.446.800)	(411.600.000)	(10.193.046.800)
- Giảm khác	-	-	-	(106.312.132)	-	(106.312.132)
30/06/2019	245.018.170.000	(482.000.000)	3.101.826.839	11.323.296.029	4.118.848.189	263.080.141.056

(*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-CCR.ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 04 năm 2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

17.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	198.230.150.000	198.230.150.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	34.971.020.000	34.971.020.000
- Các cổ đông khác	11.817.000.000	11.817.000.000
	245.018.170.000	245.018.170.000

17.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	245.018.170.000	245.018.170.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	245.018.170.000	245.018.170.000
- Cổ tức đã chia trong năm	9.781.446.800	6.118.354.250

17.4 CỔ PHIẾU

	30/06/2019	01/01/2019
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.501.817	24.501.817
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.501.817	24.501.817
+ Cổ phiếu phổ thông	24.501.817	24.501.817
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(48.200)	(48.200)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.453.617	24.453.617
+ Cổ phiếu phổ thông	24.453.617	24.453.617
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

17.5 CÁC QUỸ

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.101.826.839	2.477.231.411

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Doanh thu		
+ Doanh thu bán hàng	13.124.281.423	17.170.084.082
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	59.188.493.825	58.250.891.026
	72.312.775.248	75.420.975.108

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	12.139.135.638	15.896.507.513
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	32.315.987.270	36.091.888.995
	44.455.122.908	51.988.396.508

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	698.174.583	515.794.176
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	351.000.000	409.500.000
- Lãi thoái vốn khoản đầu tư	42.000.000	-
	1.091.174.583	925.294.176

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
- Chi phí lãi vay	3.633.587.500	4.129.358.333
	3.633.587.500	4.129.358.333

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	12.617.865.610	12.845.197.088
Chi phí nhân viên quản lý	9.010.304.087	8.026.960.477
Chi phí vật liệu quản lý	138.403.322	115.663.575
Chi phí khấu hao tài sản cố định	472.155.473	409.551.024
Thuế phí, lệ phí	391.089.283	197.513.283
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.879.796.479	3.412.461.815
Chi phí bằng tiền khác	726.116.966	683.046.914
b. Các khoản chi phí bán hàng	295.568.822	127.074.705
Chi phí nhân viên bán hàng	270.800.000	80.400.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	24.768.822	15.867.636
Chi phí bằng tiền khác	-	30.807.069
	12.913.434.432	12.972.271.793

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.525.000.000	1.456.400.000
<i>Trong đó:</i>		
+ Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh	2.460.000.000	1.376.400.000
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh	65.000.000	80.000.000
	2.525.000.000	1.456.400.000

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu	2.520.090.429	1.827.007.396
Chi phí nhân công	23.346.047.309	22.106.412.915
Khấu hao tài sản cố định	8.755.685.292	8.311.762.041
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.101.865.985	33.476.754.283
Chi phí bằng tiền khác	3.159.059.192	3.936.503.281
	65.882.748.207	69.658.439.916

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	10.137.437.364	5.559.119.186
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	1.145.486.576
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	24.453.617	24.453.617
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	415	180

(*) Trong kỳ Công ty chưa có kế hoạch trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, do đó lợi nhuận để phân bổ cho các cổ đông là lợi nhuận chưa trừ đi quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích lập.

26. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Lãnh đạo Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

27. THÔNG TIN KHÁC

27.1 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Ngoại tệ các loại + USD	80.299,42	80.306,02

27.2 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền trả gốc vay theo khế ước thông thường	1.500.000.000	3.000.000.000
	<u>1.500.000.000</u>	<u>3.000.000.000</u>

27.3 HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Công ty có các khoản tiền thuê đất theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng số 42/2007/HĐTĐ ngày 14/07/2007, UBND tỉnh Khánh Hòa cho Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh thuê khu đất có diện tích 25.000 m² tại khu vực bãi bồi, Cảng Ba Ngòi, phường Cam Linh, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa để sử dụng vào mục đích xây dựng nhà máy chế biến dăm gỗ xuất khẩu trong 20 năm kể từ ngày 09/04/2007 đến ngày 09/04/2027. Giá thuê đất tạm tính do UBND tỉnh ban hành, Giám đốc Sở Tài chính quyết định đơn giá thuê đất cho dự án; đơn giá này được ổn định 5 năm. Theo thông báo nộp tiền thuê đất năm 2019 số 2541/TB-CT-QLĐ ngày 02/04/2019 của Cục thuế tỉnh Khánh Hòa, đơn giá thuê đất áp dụng trong năm 2019 là 3.888 đồng/m².

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

27.3 HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT (TIẾP)

- Hợp đồng số 86/2010/HĐTĐ ngày 21/09/2010, UBND tỉnh Khánh Hòa cho Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh thuê khu đất có diện tích 11.470,8 m² tại phường Cam Linh, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa để sử dụng vào mục đích xây dựng khu hành chính cảng Cam Ranh trong 30 năm kể từ ngày 09/08/2010 đến ngày 04/06/2039. Giá thuê đất tạm tính tại thời điểm thuê đất theo Quyết định số 2284/QĐ-STC ngày 26 tháng 08 năm 2010 của Sở Tài chính Khánh Hòa là 10.125 đồng/m²/năm. Theo công văn 3554/CT-QLĐ ngày 20/03/2013 của Cục thuế tỉnh Khánh Hòa, Công ty được miễn tiền thuê đất đến tháng 02/2019, tiền thuê đất phải nộp trong năm 2019 là 193.576.000 đồng.

- Hợp đồng số 18/2011/HĐTĐ ngày 24/03/2011, UBND tỉnh Khánh Hòa cho Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh thuê khu đất có diện tích 68.600 m² tại đường Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa để sử dụng vào mục đích xây dựng khu kho bãi và dịch vụ hậu cần cảng trong 16 năm đến ngày 30/10/2017. Giá thuê đất tạm tính tại thời điểm thuê đất theo Quyết định số 578/QĐ-STC ngày 08 tháng 03 năm 2011 của Sở Tài chính Khánh Hòa được chia thành 03 khu vực:

- + Khu vực 1: Đơn giá thuê đất là 6.750 đồng/m²/năm, diện tích 7.286,8 m²;
- + Khu vực 2: Đơn giá thuê đất là 4.725 đồng/m²/năm, diện tích 45.074,5 m²;
- + Khu vực 3: Đơn giá thuê đất là 5.490 đồng/m²/năm, diện tích 16.238,7 m².

Theo thông báo nộp tiền thuê đất số 2542/TB-CT-QLĐ ngày 02/04/2019 của Cục thuế tỉnh Khánh Hòa, đơn giá thuê đất năm 2019 được điều chỉnh như sau:

- + Khu vực 1: Đơn giá thuê đất là 4.320 đồng/m²/năm, diện tích 7.286,8 m²;
- + Khu vực 2: Đơn giá thuê đất là 3.024 đồng/m²/năm, diện tích 45.074,5 m²;
- + Khu vực 3: Đơn giá thuê đất là 2.592 đồng/m²/năm, diện tích 16.238,7 m².

- Hợp đồng số 19/2011/HĐTĐ ngày 24/03/2011, UBND tỉnh Khánh Hòa cho Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh thuê khu đất có diện tích 6.425,50 m² tại đường Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa để sử dụng vào mục đích xây dựng khu hành chính cảng Cam Ranh trong 8 năm đến ngày 30/10/2018. Giá thuê đất tạm tính theo Quyết định số 579/QĐ-STC ngày 08 tháng 03 năm 2011 của Sở Tài chính Khánh Hòa là 10.125 đồng/m²/năm. Năm 2019, Công ty đã hết thời hạn thuê đất của lô đất trên.

- Hợp đồng số 58/2013/HĐTĐ ngày 16/09/2013, UBND tỉnh Khánh Hòa cho Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh thuê khu đất có diện tích 90.000 m² tại phường Cam Linh, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa để sử dụng vào mục đích xây dựng Kho bãi phía Tây Cảng Cam Rang trong 40 năm từ ngày 09/04/2012 đến ngày 27/10/2051. Giá thuê đất tạm tính theo Quyết định số 2954/QĐ-STC ngày 02 tháng 08 năm 2013 của Sở Tài chính Khánh Hòa là 8.710 đồng/m²/năm. Năm 2019, Công ty được miễn tiền thuê đất của lô đất trên.

- Hợp đồng số 87/2014/HĐTĐ ngày 29/08/2014, UBND tỉnh Khánh Hòa cho Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh thuê khu đất có diện tích 49.037,7 m² tại phường Cam Linh, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa để tiếp tục thực hiện dự án Bến số 2 - Cảng Ba Ngòi (đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp) trong 44 năm từ ngày 25/10/2010 đến ngày 09/04/2054. Giá thuê đất theo Quyết định số 2919/QĐ-STC ngày 31 tháng 07 năm 2013 của Sở Tài chính Khánh Hòa là 8.737 đồng/m²/năm. Năm 2019, Công ty được miễn tiền thuê đất của lô đất trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

27.3 HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT (TIẾP)

- Hợp đồng số 84/2018/HĐTĐ ngày 22/06/2018, UBND tỉnh Khánh Hòa cho Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh thuê khu đất có diện tích 8.255,5 m² tại 29 Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa để xây dựng khu hành chính trung tâm (đất thương mại, dịch vụ) trong 40 năm đến ngày 30/10/2058. Giá thuê đất áp dụng cho năm 2019 theo Thông báo nộp tiền thuê đất năm 2019 số 2540/TB-CT-ĐGTD ngày 02 tháng 04 năm 2019 của Cục thuế tỉnh Khánh Hòa là 6.480 đồng/m²/năm.

27.4 GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

Mối liên hệ với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong kỳ với Công ty, cụ thể:

Bên liên quan
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – Công ty
TNHH MTV

Mối quan hệ
Công ty mẹ

Thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.005.198.641	1.006.545.899

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Chia cổ tức	7.929.206.000	4.955.753.750

27.5 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 đã được soát xét.



Phạm Hữu Tấn
Tổng Giám đốc
Cam Ranh, ngày 31 tháng 07 năm 2019

Nguyễn Huy Phương
Kê toán trưởng

Hồ Nguyễn Tú Anh
Người lập